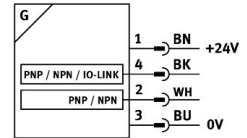


Bộ chuyển đổi vị trí SDAC-MHS-M30-1L-PNLK-PN-E-0.3-M8

Số bộ phận: 8128404

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Thiết kế	cho rãnh tròn
Giấy phép	Dấu RCM
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
Lưu ý áp dụng	Tổng quan về cảm biến hỗ trợ / bộ truyền động "Cảm biến phù hợp với bộ truyền động"
Kích thước đo	Vị trí
Nguyên tắc đo lường	buồng từ
Phạm vi phát hiện	35 mm
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...80 °C
Khoảng thời gian quét thông thường	2 ms
Tốc độ di chuyển tối đa	4 m/s
Độ phân giải đường	0.012 mm
Độ chính xác lặp lại	0.2 mm
Đầu ra chuyển mạch	2x PNP hoặc 2x NPN có thể điều chỉnh
Chức năng phần tử chuyển mạch	Cơ cấu mở/đóng có thể chuyển đổi
Thời gian bật	3 ms
Thời gian tắt	3 ms
Tần số chuyển mạch tối đa	166 Hz
Điện áp đầu ra chuyển mạch tối đa DC	30 V
Dòng điện đầu ra tối đa	50 mA
Hiệu suất chuyển mạch tối đa DC	1.5 W
Sụt áp	0.4 V
Sai số tuyến tính loại	±2 mm
Chống chịu ngắn mạch	có
Khả năng chống quá tải	có sẵn
Giao thức	Kết nối IO-Link
IO-Link, ID sửa đổi	V1.1

Đặc tính	Giá trị
IO-Link, biên dạng thiết bị	định vị chức năng Nhận dạng và chẩn đoán Cảm biến đo lường và chuyển mạch Cảm biến thông minh - SSP 4.1.1
IO-Link, tốc độ truyền	COM2
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, loại cổng	Class A
IO-Link, độ dài dữ liệu quy trình đầu vào	32 bit
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	Giá trị vị trí MDC 16 bit Giám sát SSC 4 bit
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	3 ms
Dải điện áp hoạt động DC	10 V...30 V
Dao động	10%
Dòng điện chạy không tải	19 mA
Chống phân cực	có
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có giắc cắm
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc
Hướng ra cổng nối	dọc theo
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau, mạ niken và mạ vàng
Dòng điều kiện kiểm tra	Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo Torsionsfestigkeit: > 300 000 Zyklen, ±270°/0,1 m Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm
Chiều dài cáp	0.3 m
Đặc điểm dây dẫn	độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Kiểu gắn	vặn chặt có thể được đẩy dọc vào rãnh
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
trọng lượng sản phẩm	9 g
Vật liệu vỏ	PA gia cố thép hợp kim cao không gỉ
Vật liệu đai ốc ren	Đồng thau mạ niken
Hiển thị trạng thái chuyển mạch	Đèn LED màu vàng
Chỉ báo trạng thái	LED đỏ
Các tùy chọn cài đặt	Liên kết IO nút điện dung
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-20 °C...70 °C
Mức độ bảo vệ	IP65 IP68
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% trọng lượng là đồng, kẽm hoặc niken không được sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bo mạch, dây dẫn, bộ kết nối và cuộn dây.
Loại phòng sạch	Loại 4 theo ISO 14644-1